

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS - ST

Ngày: 29-8-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Công.

Ông Lê Văn Đạo.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng CSXH.

Trụ sở: số 169, Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Số 44/C Q lộ 57B, khu phố 3, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H, Chức vụ: Phó Giám đốc
Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26/8/2022.

* Bị đơn: 1/ **Huỳnh Định Q**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp BT 3, xã BT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

2/ **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Huê 1, xã DHL, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 của Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện BD; Đơn sửa đổi bổ sung ngày 14/7/2022, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Thanh H trình bày như sau:

- Vào ngày 09/10/2013, bà Võ Thị Thu T và ông Huỳnh Định Q đã vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BD, với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09/9/2019, lãi suất 0,9%/tháng, tiền lãi tính đến ngày 29/8/2022 là 4.481.321 đồng. Tổng cộng vốn và lãi của khoản vay này là 12.481.321 đồng (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi một nghìn ba trăm hai mươi một đồng). Đối với khoản vay này, bà Võ Thị Thu T đứng vay. Tại thời điểm vay, bà Võ Thị Thu T và ông Huỳnh Định Q là vợ chồng, mục đích vay để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Do đó, ngân hàng CSXH yêu cầu ông Huỳnh Định Q và bà Võ Thị Thu T mỗi người phải có nghĩa vụ trả 50 % số nợ nói trên, với số tiền là 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng). Ngoài ra, ông Huỳnh Định Q và bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ nộp tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/10/2013, kể từ ngày 30/8/2022 đến khi các đương sự thanh toán xong khoản nợ nói trên.

- Vào ngày 27/11/2015, bà Võ Thị Thu T đã vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BD, với số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25/6/2020, lãi suất 0,55%/tháng. Lãi tiền vay tính đến 29/8/2022 với số tiền là 4.054.584 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng). Tổng cộng vốn và lãi khoản vay này là 15.054.854 đồng (Mười lăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Đối với khoản vay này, bà Võ Thị Thu T đứng ra vay sau khi bà T và ông Huỳnh Định Q đã ly hôn, do đó Ngân hàng CSXH yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền là 15.054.854 đồng (Mười lăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng).

Ngoài ra, bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ nộp tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/11/2015 kể từ ngày 30/8/2022 đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ nói trên.

Như vậy, ngân hàng CSXH yêu cầu Tòa án xem xét, xét xử buộc ông Huỳnh Định Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng), đồng thời phải có nghĩa vụ nộp tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/10/2013 kể từ ngày 30/8/2022 cho đến ông Q thanh toán xong khoản nợ nói trên; Buộc bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 21.295.854 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), đồng thời phải có nghĩa vụ nộp tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/10/2013; ngày 24/11/2015 kể từ ngày 30/8/2022 đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ nói trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Huỳnh Định Q trình bày:

Việc bà Võ Thị Thu T vay tiền của Ngân hàng CSXH, ông không biết và ông không có ký tên vào các giấy tờ vay nợ. Tại thời điểm bà T vay 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ông Q và bà T đã sống ly thân. Đối với khoản vay ngày 27/11/2015, bà Võ Thị Thu T đã vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BD, với số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên, lúc này ông Q và bà T đã ly hôn. Hiện tại, hoàn cảnh của ông Q và bà T đều đang gặp khó khăn, tuy nhiên ông Q vẫn đồng ý hoàn trả cho ngân hàng với số tiền 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng).

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng CSXH và bị đơn Huỳnh Định Q thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Võ Thị Thu T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Buộc ông Huỳnh Định Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Buộc bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 21.295.854 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Ngoài ra, ông Q và bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng CSXH là ông Lê Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn Võ Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay vệ sinh môi trường nước sạch ngày 08/10/2013 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay: 13.03MT299, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/10/2015 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay: 6600000706166507 giữa Ngân hàng CSXH và bà Võ Thị Thu T giao kết hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức của hợp đồng. Do đó, Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện BD với bà T là có thật và hợp pháp.

[3] Đối với khoản vay ngày 09/10/2013: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay vệ sinh môi trường nước sạch ngày 08/10/2013 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay: 13.03MT299 đã thể hiện nội dung bà Võ Thị Thu T vay của ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng, mục đích vay để thực hiện dự án xây hố xí và ống hồ với thời hạn 48 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/10/2017, lãi suất cho vay là 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có chữ ký của bà Võ Thị Thu T.

[4] Tại thời điểm vay, ông Huỳnh Định Q là chồng bà Võ Thị Thu T và việc bà T vay tiền của Ngân hàng CSXH là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Q với bà T. Việc bà T vay tiền Ngân hàng nhằm xây hồ xí và ống hồ để lo nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, buộc ông Huỳnh Định Q phải có nghĩa vụ cùng bà Võ Thị Thu T trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay là 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là đúng pháp luật.

[5] Đối với khoản vay ngày 09/10/2015: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/10/2015 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ mã món vay: 6600000706166507 đã thể hiện nội dung bà Võ Thị Thu T vay của Ngân hàng với số tiền 11.000.000 đồng, mục đích vay để thực hiện dự án hỗ trợ chi phí học tập với thời hạn 55 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/6/2020, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có chữ ký của bà Võ Thị Thu T. Theo ngân hàng khoản vay này là khoản vay riêng của bà Võ Thị Thu T sau khi ly hôn nên ngân hàng chỉ yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả 15.054.854 đồng (Mười lăm triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Ngoài ra, bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ nộp tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/11/2015 kể từ ngày 30/8/2022 đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ nói trên.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai nhưng phía bị đơn bà Võ Thị Thu T và ông Huỳnh Định Q từ chối tham gia, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Định Q thừa nhận và đồng ý hoàn trả số tiền nợ 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng). Riêng phía bị đơn Võ Thị Thu T không có chứng cứ nào chứng minh hay có sự phản đối về việc bà Võ Thị Thu T không có vay tiền từ Ngân hàng CSXH hoặc bà T đã trả xong nợ là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo khoản 5, 7 Điều 70, khoản 2 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với khoản vay ngày 09/10/2013, thời điểm này ông Huỳnh Định Q và bà Võ Thị Thu T là vợ chồng, do đó bà T và ông Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH, đồng thời hiện tại ông Q và bà T đã ly hôn. Do đó, mỗi người phải có nghĩa vụ trả 50% số nợ (6.241.000 đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với khoản vay ngày 27/11/2015, chỉ có bà Võ Thị Thu T ký tên vay tiền, tại thời điểm này ông Q và bà T đã ly hôn, do đó chỉ một mình bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng CSXH số tiền 15.054.854 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng CSXH về việc yêu cầu ông Huỳnh Định Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 6.241.000 đồng

(Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng); Bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền đã vay là 21.295.854 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Bà Võ Thị Thu T và ông Huỳnh Định Q đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cũng như trả lãi đầy đủ là vi phạm hợp đồng theo quy định tại điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó, ông Q và bà T phải có nghĩa vụ chịu các khoản lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/10/2013; ngày 24/11/2015 từ ngày 30/8/2022 đến khi các đương sự thanh toán xong khoản nợ là đúng quy định của pháp Luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Định Q phải chịu số tiền án phí là:

6.241.000đ X 5% = 312.000 đồng (Ba trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Võ Thị Thu T phải chịu số tiền án phí là:

21.295.854đ X 5% = 1.065.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 290, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 91 Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH đối với ông Huỳnh Định Q và bà Võ Thị Thu T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Huỳnh Định Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng CSXH (Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BD, tỉnh Bến Tre đại diện nhận) số tiền là 6.241.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng). Trong đó vốn gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 2.241.000 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Định Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08 tháng 10 năm 2013.

Buộc bà Võ Thị Thu T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng CSXH (Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện BD, tỉnh Bến Tre đại diện nhận) số tiền là

21.295.854 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó vốn gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 6.295.854 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị Thu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 08 tháng 10 năm 2013 và giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 24 tháng 11 năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Huỳnh Định Q phải chịu 312.000 đồng (Ba trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Võ Thị Thu T phải chịu 1.065.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn ông Huỳnh Định Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng nguyên đơn Ngân hàng CSXH huyện BD và bị đơn Võ Thị Thu T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Ủy ban nhân dân xã DHL;
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi